

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGHI SƠN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 80/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 18-11-2024

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHI SƠN, TỈNH THANH HÓA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Tòng

2. Ông Bùi Quốc Kiên

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Quỳnh - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 11 năm 2024, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 275/2024/TLST-HNGĐ ngày 07/11/2024 về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 126/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Lê Văn D - Sinh năm: 1976

Nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

- **Bị đơn:** Chị Lê Thị H - Sinh năm: 1974

Nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt anh D, vắng mặt chị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, anh Lê Văn D trình bày:

Về hôn nhân: Anh Lê Văn D và chị Lê Thị H tự nguyện tìm hiểu, kết hôn vào ngày 24 tháng 02 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã Q (nay là xã T), huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Trước và sau khi cưới anh chị đều làm nghề tự do. Vợ chồng sống hạnh phúc chỉ được một thời gian ngắn thì mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng lẫn nhau. Nên trong cuộc sống thường xuyên xảy ra va chạm, cãi vã chửi bới nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng không cải thiện được mà ngày càng trầm trọng hơn. Từ

cuối năm 2017, chị H bỏ về nhà bố, mẹ đẻ ở. Từ đó đến nay anh chị sống ly thân nhau, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau nữa, ai lo phận người đó. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh làm đơn này đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh D và chị H không có con chung.

Về tài sản: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài những yêu cầu trên anh D không đề nghị Tòa án giải quyết thêm vấn đề nào khác.

* Quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị H đi làm xa, thỉnh thoảng mới về nhà nên thường xuyên không có mặt tại địa phương, Tòa án đã giao các thủ tục tố tụng cho bà Phùng Thị L (mẹ đẻ của chị H). Bà L cam kết sẽ giao và thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị L. Nhưng chị L vẫn không nộp bản tự khai và không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

* *Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ:* Ngày 01/11/2024 Tòa án nhân dân thị xã Nghi Sơn lập biên bản xác minh tình trạng hôn nhân giữa anh Lê Văn D và chị Lê Thị H, theo bà Phùng Thị L (mẹ đẻ của chị H) thì anh D và chị H kết hôn năm 2016, anh chị chung sống với nhau chưa được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, chị H bỏ về nhà bà L từ đó cho đến nay. Anh D và chị H không còn quan tâm chăm sóc đến nhau nữa. Hiện tại chị H đi thỉnh thoảng mới về nhà nên thường xuyên không có mặt tại địa phương. Bà L đã nhận các văn bản của Tòa án và cam kết sẽ thông báo cho chị H biết. Bà L cho biết chị H có quan điểm là đồng ý ly hôn với anh D, nhưng do chị ở xa không sắp xếp công việc để về được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D. Theo bà L, chị H và anh D không có con và tài sản chung, nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà L có quan điểm: đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn của chị H và anh D theo quy định của pháp luật.

* Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn có mặt; Bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết việc ly hôn, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn theo quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Lê Văn D. Cho anh Lê Văn D ly hôn đối với chị Lê Thị H. Về con chung: Không có; Về tài sản: Anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét; Về án phí: Anh D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Anh Lê Văn D có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn đối với chị Lê Thị H. Do đó, đây là vụ án tranh chấp ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là chị Lê Thị H có hộ khẩu thường trú tại: Tổ dân phố H, phường H, thị xã N, tỉnh Thanh Hóa. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân Thị xã Nghi Sơn thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Về trình tự tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Lê Văn D có mặt, bị đơn là chị Lê Thị H vắng mặt. Tòa án nhân dân Thị xã Nghi Sơn cùng với chính quyền địa phương đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị H. Chị H không có mặt tại nhà, do đó đã tiến hành giao cho bà Phùng Thị L (mẹ đẻ của chị H), bà L đã nhận tất cả các loại văn bản tố tụng của Tòa án và cam kết sẽ giao và thông báo cho chị H biết. Nhưng cho đến nay, Tòa án vẫn không nhận được bản tự khai, hoặc văn bản phản hồi của chị H. Nhận thấy đây là trường hợp bị đơn cố tình trốn tránh, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Vì vậy, căn cứ khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là chị Lê Thị H theo thủ tục chung.

- Về quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghi Sơn tại phiên tòa là đúng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự nên HĐXX cần chấp nhận.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn D và chị Lê Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 24/02/2016 (Giấy chứng nhận kết hôn số 10/2016) tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống anh D và chị H chỉ chung sống hạnh phúc, hòa thuận được thời gian rất ngắn (khoảng 01 năm) thì phát sinh mâu thuẫn. Theo anh D nguyên nhân mâu thuẫn là do anh và chị H tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng lẫn nhau. Nên trong cuộc sống thường xuyên xảy ra va chạm, cãi vã chửi bới nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng không cải thiện được mà ngày càng trầm trọng hơn. Theo anh D thì vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay, cả hai vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, ai lo phận người đó. Anh D xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng để vợ chồng đoàn tụ, nên anh tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị H.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân tồn tại phải trên cơ sở tình cảm tự nguyện của cả hai bên, không vì bất cứ mục đích nào khác. Thực tế, hôn nhân

của anh chị đã không tồn tại từ khi anh chị sống ly thân cho đến nay, anh chị không còn quan tâm đến nhau nữa. Cả hai anh, chị không trao đổi, liên lạc gì với nhau, cắt đứt hoàn toàn về mặt tình cảm. Thời gian anh D và chị H chung sống với nhau ít hơn rất nhiều so với thời gian anh chị sống ly thân nhau. Xét thấy đời sống chung vợ chồng giữa anh D và chị H không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc anh D yêu cầu được ly hôn với chị H là có căn cứ, phù hợp thực tế và phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh D và chị H không có con chung.

[4] Về tài sản: Anh D và chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Anh D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Dành quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27, tiểu mục 1.1 mục 1 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Lê Văn D. Xử cho anh Lê Văn D được ly hôn chị Lê Thị H.

- Về con chung: Không có con chung.

- Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Lê Văn D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số **0012884 ngày 07/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Nghi Sơn. Anh D đã nộp đủ án phí.**

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt anh D, vắng mặt chị H tại phiên tòa. Tuyên bố anh D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, chị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi chị H cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND thị xã Nghi Sơn;
- Chi cục THADS thị xã Nghi Sơn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hạnh
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tòng

Bùi Quốc Kiên

Lê Thị Hạnh